

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRẦN THU HẠNH

**NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM SỰ VÔ TƯ CỦA NHỮNG NGƯỜI
TIẾN HÀNH TỔ TỤNG HOẶC NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG
TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM – NHỮNG VẤN
ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

Chuyên ngành: Luật hình sự
Mã số: 62 38 40 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2013

Công trình được hoàn thành

tại Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **1. PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí**
2. TS Phạm Mạnh Hùng

Phản	biện
1:.....	
Phản	biện
2:.....	
Phản	biện
3:.....	

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở tại Khoa Luật
trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2013

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam**
- Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc Gia Hà Nội**

MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu về công trình nghiên cứu

Luận án với đề tài: *“Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong luật tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn”* do tác giả thực hiện dựa trên nhu cầu đòi hỏi bổ sung, nâng cao lý luận và thực tiễn hoàn thiện pháp luật TTHS cũng như việc nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết vụ án của các chủ thể TTHS.

Hướng tới mục tiêu làm rõ những cơ sở lý luận và thực tiễn là cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật TTHS và đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành nguyên tắc này, luận án được tác giả xây dựng với kết cấu ba chương, ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo.

Kết quả nghiên cứu của luận án không những bổ sung cho lý luận khoa học pháp lý TTHS, làm tài liệu cho việc nghiên cứu, học tập ở các cơ sở đào tạo luật mà còn có ý nghĩa tham khảo cho quá trình xây dựng, thực thi pháp luật TTHS của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, những người tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự.

2. Tính cấp thiết của đề tài luận án

a. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư trong hoạt động tư pháp nói chung và trong TTHS nói riêng có tính chất nền tảng trong việc giải quyết vụ án khách quan, công bằng, đồng thời nó còn có ý nghĩa bảo đảm quyền con người, bảo đảm công lý và tạo dựng, củng cố niềm tin của người dân đối với nền tư pháp quốc gia.

b. Tuy nhiên, trong thực tế điều tra, truy tố, xét xử CQTHTT, NTHTT còn có những biểu hiện không khách quan, thiếu công bằng, không bình đẳng giữa các cơ quan THTT, NTHTT với bị can, bị cáo và những NTGTT khác do một bên là đại diện cho công quyền với đầy đủ sức mạnh của quyền lực, pháp luật, một bên là những người bị nghi là phạm tội không có những sức mạnh và điều kiện như vậy.

c. Trong thời gian ngắn, Bộ chính trị đã ban hành 02 Nghị quyết về cải cách tư pháp với mục tiêu “xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý... hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt

động xét xử được tiến hành có hiệu quả và có hiệu lực cao”. Vì vậy, nghiên cứu xây dựng các luận cứ khoa học để triển khai, thực hiện chiến lược cải cách tư pháp của Đảng trong đó có nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT, NTGTT là hết sức cần thiết, đặc biệt trong thời điểm sửa đổi BLTTHS.

d. Cần nghiên cứu làm rõ cơ chế tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến sự vô tư của NTHTT, NTGTT trên cơ sở đó có những kiến nghị phù hợp về hoàn thiện, thực thi pháp luật bảo đảm sự vô tư của NTHTT, NTGTT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự góp phần thực hiện chiến lược cải cách tư pháp.

e. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cần có sự hợp tác quốc tế nhất là trong giai đoạn hiện nay nên việc hoàn thiện pháp luật TTHS cũng phải tính đến sự phù hợp với pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia khác nên cần phải có sự nghiên cứu.

Từ những phân tích trên cho thấy đề tài: *"Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong luật tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn"* được nghiên cứu ở cấp độ một luận án Tiến sĩ luật học có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận cũng như thực tiễn ở nước ta hiện nay.

3. Mục đích của luận án:

- Hình thành luận điểm khoa học về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT trong hệ thống các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự làm cơ sở cho các hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hình sự;

- Làm rõ nội dung và ý nghĩa nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT trong luật tố tụng hình sự Việt Nam;

- Làm rõ cơ chế thực thi pháp luật và kiểm soát việc bảo đảm sự vô tư của NTHTT, NTGTT trong TTHS; Đồng thời chỉ ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế này trong quá trình cải cách tư pháp;

- Làm rõ thực trạng thi hành nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT trong luật tố tụng hình sự Việt Nam và chỉ ra nguyên nhân của thực trạng đó;

- Đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT và NTGTT và các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc này trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án

- Các quan điểm trong và ngoài nước về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong tố tụng hình sự;

- Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong tố tụng hình sự ở một số nước tiêu biểu trên thế giới.

- Lịch sử phát triển của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong tố tụng hình sự ở Việt Nam, nhất là từ sau năm 1945.

- Pháp luật tố tụng hình sự Việt nam hiện hành về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong tố tụng hình sự.

- Thực trạng thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam những năm gần đây (khoảng 10 năm từ 2003 đến nay).

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án:

- Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần bổ sung, hoàn thiện lý luận khoa học pháp lý TTHS làm cơ sở cho việc ban hành các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực cải cách tư pháp ở nước ta;

- Kết quả nghiên cứu của Đề tài dùng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại các cơ sở đào tạo Luật;

- Kết quả nghiên cứu của Đề tài làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan lập pháp và các CQTHTT trong lĩnh vực tư pháp của quá trình cải cách tư pháp ở Việt Nam.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước liên quan đến đề tài luận án

Sự vô tư và nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT, NTGTT được coi là nền tảng của tư pháp, nó quyết định đến việc giải quyết vụ án khách quan, công bằng và đúng luật. Vì thế nguyên tắc bảo đảm sự vô tư trong tư pháp được quan tâm nghiên cứu bởi nhiều học giả nổi tiếng thế giới nhất là ở Châu Âu, Hoa kỳ và những nước có nền luật học phát triển. Các nghiên cứu này đều khá đầy đủ các nội dung của nguyên tắc bảo đảm vô tư trong tư pháp nói chung và trong TTHS nói riêng, thể hiện quan điểm và những nội dung của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng phản ánh mức độ dân chủ cao trong TTHS ở những nước phát triển.

Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn còn những nội dung chưa được đề cập, bên cạnh đó, từ những góc độ và cách nhìn khác nhau nên các nghiên cứu khi đề cập đến các nội dung của nguyên tắc cũng có nhiều điểm khác nhau. Đồng thời, các công trình nghiên cứu ở nước ngoài chỉ đề cập đến nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT, NTGTT ở nước họ hoặc ở cấp độ những qui định chung của các văn bản pháp luật quốc tế, chưa có công trình nào đề cập đến nguyên tắc này ở Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài luận án

Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT là đối tượng của một số đề tài nghiên cứu, giáo trình, bài viết trên các tạp chí chuyên ngành trong những năm gần đây, nhất là khi Đảng ta chủ trương tiến hành cải

cách tư pháp. Những công trình này đã phần nào làm sáng tỏ lý luận và thực tiễn về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT. Tuy nhiên, vẫn còn ít, chưa mang tính chất tổng hợp, nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến nguyên tắc này chưa được giải quyết đòi hỏi tiếp tục có sự nghiên cứu.

3. Mục tiêu, đối tượng, nội dung, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

a. Mục tiêu:

- Xây dựng luận điểm khoa học về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT, NTGTT trong hệ thống các nguyên tắc cơ bản của Luật tổ tụng hình sự làm cơ sở cho các hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hình sự;

- Làm rõ nội dung và ý nghĩa của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT, NTGTT trong luật tổ tụng hình sự;

- Làm rõ thực trạng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT, NTGTT trong Luật TTHS Việt Nam và đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS và nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc này;

b. Đối tượng nghiên cứu của Đề tài

- Các quan điểm về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong TTHS.

- Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong luật TTHS ở một số nước trên thế giới.

- Lịch sử phát triển của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong luật TTHS ở Việt Nam, nhất là từ sau năm 1945.

- Pháp luật tổ tụng hình sự Việt nam về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong TTHS.

- Thực trạng thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong luật TTHS Việt Nam.

c. Những nội dung được nghiên cứu trong đề tài:

- Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong TTHS thông qua các quan điểm khác nhau để từ đó đưa ra khái niệm, ý nghĩa của nguyên tắc này.

- Kinh nghiệm quy định nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong TTHS ở pháp luật một số nước trên thế giới.

- Kinh nghiệm rút ra từ bài học lịch sử về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong TTHS của nước ta từ 1945 đến nay;

- Đánh giá thực trạng thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong TTHS.

- Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT trong TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền.

d. Cách tiếp cận

Việc nghiên cứu Đề tài này được tiếp cận trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm chủ trương cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đồng thời những nền tảng lý luận từ các tri thức khoa học vốn có chung của loài người được thể hiện cụ thể thông qua các thành tựu của Luật học, Triết học, Lịch sử và Xã hội học nói chung và các chuyên ngành trong khoa học pháp lý: Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý, Xã hội học pháp luật, Luật Hiến pháp, Luật hình sự, Luật TTHS, Luật thi hành án...

e. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể:

Phương pháp lịch sử: khảo cứu các tài liệu và các nguồn sử liệu khác nhau về Nhà nước và pháp luật liên quan đến nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT, NTGTT.

Phương pháp phân tích: trên cơ sở các quy phạm pháp luật thực định hiện hành trong lĩnh vực tổ tụng hình sự, phân tích và làm rõ nội dung của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT, NTGTT

Phương pháp tổng hợp: tổng hợp các quan điểm khác nhau về nhận thức khoa học xung quanh các khái niệm, phạm trù, các quy phạm và các quy định về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT, NTGTT.

Phương pháp thống kê: các số liệu thực tiễn trong hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng ở Việt Nam hiện nay.

Phương pháp xã hội học: điều tra, phỏng vấn các cán bộ khoa học, những NTHTT, các cán bộ thực tiễn, các học viên Cao học, các sinh viên đang công tác, học tập và nghiên cứu theo chuyên ngành TPHS về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT, NTGTT trong việc giải quyết vụ án hình sự.

Phương pháp so sánh luật học: các QPPL tương ứng có liên quan đến nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT, NTGTT của Việt Nam & của một số nước trên thế giới.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM SỰ VÔ TƯ CỦA NHỮNG NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm “sự vô tư” trong lĩnh vực tư pháp và khái niệm nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT hình sự

1.1.1. Khái niệm “sự vô tư” trong lĩnh vực tư pháp

a. Vô tư là một khái niệm chỉ trạng thái chủ quan của con người khi thực hiện một hoạt động xã hội nào đó có thể là hành động mang tính “vật chất” hoặc hoạt động tư duy của con người.

b. Thông qua việc phân tích luận án đã đưa ra khái niệm vô tư trong lĩnh vực tư pháp như sau: *Vô tư trong lĩnh vực tư pháp là trạng thái của người có trách nhiệm giải quyết vụ án khi xem xét, đánh giá, giải quyết tranh chấp không thiên vị, khách quan, bảo đảm sự công bằng, công lý giữa các bên liên quan trong vụ án.*

1.1.2. Khái niệm nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT hình sự

a. Quan điểm được thừa nhận tương đối rộng rãi cho rằng nguyên tắc cơ bản của LTTHS chứa đựng ba nội hàm, đó là: (1) Nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự là tư tưởng chủ đạo và là định hướng cơ bản của hoạt động TTHS; (2) Nguyên tắc của LTTHS bao giờ cũng được phản ánh trên ba lĩnh vực thể hiện (sinh hoạt) của nó là: trong pháp luật TTHS (tức là trong luật thực định), trong việc giải thích và, trong thực tiễn áp dụng các qui phạm pháp luật TTHS trừu tượng; (3) Các nguyên tắc của LTTHS bao giờ cũng được “nhà làm luật ghi nhận thông qua một hay nhiều qui phạm pháp luật” [8].

Với cách tiếp cận tổng thể, định nghĩa về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT, NTGTT được luận án phát biểu như sau: *Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT hình sự là những tư tưởng mang tính xuất phát điểm, có tính chủ đạo định hướng cho toàn bộ hoạt động xây dựng, thực thi, kiểm soát pháp luật tố tụng hình sự hướng tới mục đích giải quyết vụ án khách quan, công bằng, dân chủ bảo đảm công lý trong giải quyết vụ án hình sự.*

b. Theo định nghĩa nêu trên thì nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT có những nội hàm sau:

Thứ nhất, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT là những phương châm, định hướng quan trọng chi phối toàn bộ hay một số giai đoạn của hoạt động TTHS trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật TTHS.

Thứ hai, là nguyên tắc cơ bản nên nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT chi phối toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Thứ ba, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT có tính ổn định cao.

Thứ tư, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT với mục đích ngăn ngừa những khả năng sẽ làm cho NHTT, NTGT không vô tư khi giải quyết vụ án. Những khả năng này được cụ thể hóa ở các căn cứ phải từ chối hoặc phải thay đổi NHTT của cơ quan có thẩm quyền trong LTTHS mỗi quốc gia.

Thứ năm, xác lập một cơ chế thực thi nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT có hiệu quả.

1.2. Nội dung nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT hình sự

Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT hình sự với tư cách là cơ chế bảo đảm sự vô tư trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, bao gồm những nội dung sau đây:

1.2.1. Những qui định của pháp luật

Qui định của pháp luật TTHS tạo ra khuôn khổ pháp lý bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT trong quá trình giải quyết vụ án với ba nhóm qui phạm: (a) những qui phạm mang tính nền tảng, định hướng cho việc bảo đảm sự vô tư của những NHTT, NTGT; (b) Những qui phạm cụ thể bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT thường là nêu ra các trường hợp cụ thể nếu gặp phải NHTT, NTGT phải từ chối THTT, tham gia tố tụng hoặc nếu không từ chối thì buộc phải thay đổi; (c) Nhóm qui phạm qui định hậu quả pháp lý khi không bảo đảm các qui định của nguyên tắc này. Ngoài ba nhóm qui phạm trên được qui định trong LTTHS còn có những qui phạm khác góp phần thực hiện có hiệu quả nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTT và NTGT

Như vậy, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT bao gồm hệ thống các qui phạm ở những nấc thang giá trị khác nhau và không chỉ trong BLTTHS mà còn ở những văn bản pháp luật khác tạo thành hệ thống các qui phạm làm cơ sở cho việc bảo đảm THTT hình sự một cách vô tư.

1.2.2. Thực thi pháp luật về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT hình sự

Những bảo đảm để sự vô tư trong quá trình giải quyết vụ án phải được tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh. Vì vậy, LTTHS các quốc gia thường đưa ra tên nguyên tắc là: Nguyên tắc bảo đảm sự vô của những NTHTT và NTGTT với các nội dung nhằm mục đích phòng ngừa, ngăn chặn sự không vô tư của những NTHTT, NTGTT và đồng thời với nó là những bảo đảm để thực thi nguyên tắc này. Các yếu tố đó bao gồm: Các qui định về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm những NTHTT; Các điều kiện về vật chất và tinh thần bảo đảm cho sự vô tư của những NTHTT, NTGTT; Ý thức trách nhiệm, đạo đức của NTHTT, NTGTT; Các ràng buộc và trách nhiệm pháp lý nếu không thực hiện nghiêm chỉnh những qui định của pháp luật trong việc bảo đảm sự vô tư khi tiến hành tố tụng của những người này...

1.2.3. Cơ chế kiểm soát việc thực thi nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT hình sự

Cơ chế kiểm soát có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc thực thi quyền lực nhà nước, trong đó có việc thực thi luật TTHS nói chung và nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT và NTGTT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự nói riêng. Ngoài cơ chế bảo hiến, các quốc gia còn thường thiết lập một cơ chế hữu hiệu gồm kiểm soát bên ngoài và kiểm soát bên trong đối với quá trình giải quyết vụ án. Ở những nước theo mô hình tố tụng hình sự tranh tụng thì việc kiểm soát này đặc biệt coi trọng đến cơ chế kiểm soát bên trong. Các bên liên quan tiến hành tranh tụng ngay từ đầu vụ án và tất cả những gì vi phạm qui định về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư đều được chủ động phát hiện, xử lý triệt để.

1.3. Ý nghĩa của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT hình sự

1.3.1. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT là cơ sở của việc thực thi công lý trong TTHS

Nguyên tắc đảm bảo sự vô tư của NHTT và NTGT là một yêu cầu thiết yếu để có một phiên tòa công bằng và do đó góp phần vào việc thực thi công lý.

1.3.2. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT góp phần bảo vệ quyền con người trong TTHS

Nguyên tắc bảo đảm sự độc lập và vô tư của tư pháp nói chung và của tòa án nói riêng được ghi nhận trong hầu hết các văn kiện quốc tế quan trọng về quyền con người và do đó nó là công cụ quan trọng để bảo vệ quyền con người.

1.3.3. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT trong TTHS góp phần tạo dựng niềm tin của người dân vào nền tư pháp quốc gia

Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT, người giám định, người phiên dịch không chỉ nhằm bảo đảm cho hoạt động tố tụng được thực hiện một cách khách quan, công bằng mà còn đảm bảo rằng hoạt động TTHS nói chung, đặc biệt là hoạt động xét xử của Tòa án nói riêng sẽ nhận được sự tin tưởng, niềm tin của những người tham gia tố tụng, cũng như của cả cộng đồng xã hội nói chung.

1.3.4. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT trong TTHS góp phần củng cố nhà nước pháp quyền

Việc bảo đảm một nền tư pháp độc lập, vô tư không những bảo đảm sự phân chia, kiểm soát quyền lực giữa quyền tư pháp với quyền lập pháp và hành pháp mà còn đảm bảo có được một nền tư pháp công minh, không phân biệt đối xử, tuân thủ tính thượng tôn của pháp luật, bảo vệ được các quyền và tự do chính đáng của con người. Những nội dung trên đây chính là những yêu cầu cơ bản của một nhà nước pháp quyền.

1.4. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT trong luật tố tụng hình sự một số tổ chức, quốc gia trên thế giới

1.4.1. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT trong mô hình TTHS Cộng đồng Châu Âu

Cũng như nhiều nguyên tắc tư pháp khác, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT hình sự ở cộng đồng châu Âu (EU) ra đời khá sớm và được ghi nhận ở pháp luật TTHS các quốc gia thành viên, ở cấp cộng đồng, cũng như trong các án lệ của tòa án châu Âu. Theo đó, ở vùng lãnh thổ

này đã hình thành hệ thống qui phạm pháp luật về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư trong hoạt động tư pháp cũng như những ảnh hưởng cần ngăn chặn để sự vô tư được hiện diện trong quá trình giải quyết vụ án.

1.4.2. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT trong LTTHS Hoa Kỳ

Điểm đặc trưng trong truyền thống tố tụng hình sự Hoa Kỳ, khác với tố tụng Châu Âu lục địa, là tố tụng đối kháng, hay còn gọi là tố tụng tranh tụng. Hệ quả của tố tụng đối kháng, dẫn tới vai trò của luật sư hai bên đóng vai trò nổi trội, vai trò của thẩm phán trong việc xét xử, mặc dù rất quan trọng, nhưng lại là một vai trò tương đối thụ động. Thẩm phán có vai trò trọng tài trên cơ sở đối tụng của công tố và luật sư bào chữa về loại bằng chứng được đưa ra và loại câu hỏi được dùng để hỏi nhân chứng. Do vậy, thẩm phán được kỳ vọng sẽ đóng vai trò một bên tham gia không vụ lợi mà công việc chủ yếu là bảo đảm rằng cả hai bên được phép trình bày vụ án của mình càng đầy đủ càng tốt trong phạm vi luật định. Tiếp theo thẩm phán thì bồi thẩm cũng được pháp luật Hoa Kỳ đặc biệt quan tâm trong việc bảo đảm sự vô tư của họ trong hoạt động tố tụng.

1.4.3. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT trong BLTTHS Liên bang Nga

BLTTHS của Liên bang Nga có hiệu lực 5 tháng 12 năm 2001 được sửa đổi bổ sung ngày 1 tháng 3 năm 2012 [86]. Bộ luật này qui định hệ thống các nguyên tắc cơ bản của TTHS và việc bảo đảm sự vô tư của những NHTT và NTGT được quy định cụ thể tại Mục 9 BLTTHS gồm 12 điều luật với tên gọi: “Những tình tiết loại trừ việc tham gia tố tụng”. Qui định này cho thấy BLTTHS Liên bang Nga rất chú trọng đến việc bảo đảm sự vô tư của những NHTT, NTGT và hầu như đã dự liệu được các yếu tố tác động có thể ảnh hưởng đến hành vi xử sự của NHTT và NTGT khi giải quyết vụ án. Theo đó, những nội dung sau đã được qui định: a. Căn cứ từ chối hoặc thay đổi NHTT, NTGT; b. Thủ tục thay đổi NHTT, NTGT.

1.4.4. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong các thiết chế tư pháp quốc tế

Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTT, NTGT (gọi chung là bảo đảm sự vô tư của tư pháp) là một nguyên tắc cơ bản được thừa nhận

chung trong tuyệt đại đa số pháp luật của các quốc gia nên nó được ghi nhận và đảm bảo thực hiện tại tất cả các thiết chế tư pháp quốc tế.

Chương 2

NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM SỰ VÔ TƯ CỦA NHỮNG NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG HOẶC NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

2.1. Pháp luật TTHS Việt Nam về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT

2.1.1. Giai đoạn trước Cách mạng tháng 8 năm 1945

2.1.1.1. Thời kỳ phong kiến

Bên cạnh những hạn chế mang tính chất thời đại của chế độ phong kiến, pháp luật TTHS Việt Nam thời kỳ này đã có nhiều điểm tiến bộ, trong đó có những qui định thể hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT và NTGTT trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là điểm tiến bộ so với đương thời và cũng là cơ sở để pháp luật TTHS những giai đoạn sau này của Việt Nam kế thừa.

2.1.1.2. Thời kỳ thuộc Pháp

LTTHS nước ta thời kỳ này bị ảnh hưởng và chịu sự chi phối của pháp luật tư sản, nó là sự sao chép luật TTHS của Pháp. Chính vì vậy một số nguyên tắc dân chủ của pháp luật tư sản đã hiện diện trong pháp luật TTHS Việt Nam thời kỳ này. Các nguyên tắc độc lập tư pháp, nguyên tắc khách quan, công bằng trong hoạt động TTHS, nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT, quyền bào chữa của bị can, bị cáo ...được qui định.

2.1.2. Giai đoạn từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến trước khi ban hành BLTTHS năm 1988

2.1.2.1. Thời kỳ từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến năm 1954

Mặc dù mới ra đời nhưng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã xác lập được cơ chế pháp lý tương đối đầy đủ, tiến bộ bảo đảm sự vô tư của Thẩm phán và những NTHTT khác trong quá trình giải quyết vụ án. Những qui định này không những thể hiện tính chất dân chủ, tiến bộ của nền tư pháp non trẻ mà còn đáp ứng được yêu cầu thực thi công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con

người trong chế độ mới, góp phần xây dựng nhà nước Việt Nam dân chủ trong thời kỳ đầu và có ý nghĩa đương đại mang tính chất nền tảng cho việc tiến hành cải cách tư pháp ngày nay.

2.1.2.2. Thời kỳ từ năm 1954 đến trước khi có BLTTHS năm 1988

Thời kỳ này, chưa có bộ luật TTHS nhưng đã hình thành hệ thống các qui phạm pháp luật TTHS thông qua Hiến pháp, các luật tổ chức và các văn bản pháp qui. Các nguyên tắc mang tính dân chủ khách quan trong đó có nguyên tắc bảo đảm sự vô tư trong TTHS của thời kỳ trước vẫn được qui định và áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án.

2.1.3. Giai đoạn từ khi ban hành BLTTHS năm 1988 đến trước khi ban hành BLTTHS năm 2003

BLTTHS đầu tiên của Nhà nước ta được Quốc hội thông qua ngày 28/6/1988 có hiệu lực ngày 1/1/1989 đã kế thừa LTTHS Việt Nam các giai đoạn trước đó. Hệ thống các qui phạm pháp luật TTHS thời kỳ này thể hiện nhiều nguyên tắc tiến bộ, dân chủ trong hoạt động TTHS trong đó có nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT. Cụ thể hóa nguyên tắc này, BLTTHS 1988 có các điều luật qui định về việc từ chối hoặc thay đổi NHTTT hoặc NTGTT.

2.1.4 Quy định nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT trong LTTHS Việt Nam hiện hành

2.1.4.1. Sự vô tư của NHTTT và NTGTT được thể hiện trong qui định về nhiệm vụ của BLTTHS năm 2003

Bảo đảm sự vô tư của NHTTT, người phiên dịch, người giám định không những được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật TTHS Việt Nam mà còn là nhiệm vụ, mục đích của luật TTHS.

2.1.4.2 Sự vô tư của NHTTT, NTGTT được thể hiện trong qui định về nguyên tắc cơ bản của BLTTHS 2003

Chương 2, BLTTHS 2003 qui định các nguyên tắc cơ bản của luật TTHS, trong số những nguyên tắc này có nguyên tắc “Bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT” qui định tại Điều 14 nhằm bảo đảm sự vô tư trong hoạt động TTHS mà quan trọng nhất là bảo đảm sự vô tư của NHTTT, người phiên dịch, người giám định. Những người này thay mặt Nhà nước có trách nhiệm thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm làm rõ bản chất vụ án.

2.1.4.3. Qui định của LTTHS về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT

a. Căn cứ từ chối hoặc thay đổi NTHTT, NTGTT

Trên cơ sở nguyên tắc qui định tại Điều 14, BLTTHS 2003 qui định những lý do xác đáng để cho rằng NTHTT, người phiên dịch, người giám định có thể sẽ không vô tư. Đây là những căn cứ có khả năng dẫn đến sự không vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định và sự ngăn chặn nó là cần thiết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

b. Quyền đề nghị, yêu cầu thay đổi NTHTT, NTGTT

Theo quy định tại Điều 43 Bộ luật TTHS thì những người sau đây có quyền đề nghị thay đổi NTHTT: Kiểm sát viên; Bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người đại diện hợp pháp của họ; Người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự.

c. Thẩm quyền và thủ tục thay đổi NTHTT, NTGTT

Khi có những căn cứ để thấy rằng việc giải quyết vụ án có thể không vô tư, những NTHTT, người phiên dịch, người giám định từ chối hoặc bị thay đổi. Ở các giai đoạn TTHS khác nhau, những người có quyền thay đổi cũng như thủ tục thay đổi cũng khác nhau.

d. Hệ quả của việc từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người phiên dịch, người giám định và của việc không từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người phiên dịch, người giám định

Việc không từ chối hoặc thay đổi NTHTT, người giám định, người phiên dịch khi có căn cứ quy định của pháp luật sẽ ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án hình sự, dẫn tới hoạt động của các giai đoạn tố tụng sau nếu phát hiện ra những căn cứ này thì quá trình giải quyết vụ án hình sự sẽ bị kéo dài và phức tạp hơn, ảnh hưởng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi của nghĩa vụ liên quan, làm mất lòng tin của người dân đối với các CQTHTT nói riêng và Nhà nước nói chung.

2.1.4.4. Một số qui định khác liên quan đến nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định

a) Điều kiện, tiêu chuẩn của NHTTT và NTGTT là những quy định để bảo đảm sự vô tư, độc lập, khách quan của người giám định, người phiên dịch trong quá trình TTTHS.

b) Những qui định liên quan đến việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ

BLTTHS 2003, dành cả chương V qui định việc thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ để chứng minh trong TTTHS nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. Vì vậy đòi hỏi người tiến hành TTTHS, người phiên dịch, người giám định phải vô tư khi tiến hành các hoạt động chứng minh trong vụ án hình sự.

c) Những chế tài áp dụng đối với những NHTTT hoặc NTGTT khi họ không vô tư trong khi thực hiện trách nhiệm bao gồm: Chế tài hành chính; Chế tài hình sự; Trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị oan, sai trong TTTHS.

2.2. Thực tiễn thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT hình sự ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Tình hình thực thi pháp luật TTTHS

Thực trạng thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTTT hoặc NTGTT ở Việt Nam những năm gần đây cần đặt trong mối quan hệ với tình hình chung của việc thực thi pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong bối cảnh đó sẽ có nhận thức đầy đủ hơn về diễn biến phức tạp, có chiều hướng gia tăng của tình hình tội phạm cũng như những nỗ lực và hạn chế của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Luận án đã đưa ra các số liệu phản ánh tình hình này.

2.2.2. Thực trạng thực thi nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT hình sự

a. Số liệu thống kê

Thực trạng việc thực thi nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT hoặc NTGTT tuy không được các cơ quan có thẩm quyền xây dựng thành tiêu chí thống kê, nhưng thông qua số liệu thống kê của ngành Tòa án và Viện kiểm sát hằng năm về tình trạng hủy án, sửa án với sự phân loại do nguyên nhân khách quan và chủ quan phần nào phản ánh thực trạng đó. Qua các số liệu thống kê luận án đã đưa ra nhận định: Số vụ án bị hủy, sửa hằng năm không nhiều và trong số các nguyên nhân có nguyên nhân vi phạm pháp

luật TTHS nghiêm trọng bao gồm cả nguyên nhân do vi phạm nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT hoặc NTGTT.

b. Kết quả khảo sát các vụ án đã được giải quyết những năm gần đây:

Kết quả khảo sát cho thấy trong số 500 vụ án được nghiên cứu chỉ có một vụ mà một trong những căn cứ hủy bản án có hiệu lực pháp luật liên quan đến việc vi phạm các qui định bảo đảm sự vô tư của NTHTT.

c. Kết quả điều tra xã hội học

Tác giả của luận án đã tiến hành điều tra xã hội học việc thực thi nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT, NTGTT để thu thập thêm thông tin về tình hình thực thi nguyên tắc này của các CQHTT trong quá trình giải quyết vụ án. Kết quả nhận được đã làm rõ hơn tình hình thực thi nguyên tắc này trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

2.2.3. Một số vụ án cụ thể

Tuy nhiên trong quá trình khảo sát, nghiên cứu, tác giả phát hiện ra một số vụ án có sự vi phạm nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT hoặc NTGTT hay những vướng mắc của thực tiễn khi áp dụng nguyên tắc này

Chương 3

NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM SỰ VÔ TƯ CỦA NHỮNG NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG HOẶC NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ TRƯỚC YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM

3.1. Cơ sở, yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT hình sự

3.1.1. Bất cập qui định của pháp luật TTHS về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT hoặc NTGTT

Trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 sửa đổi năm 2001, các luật, pháp lệnh về tổ chức, BLTTHS năm 2003 và các văn bản qui phạm khác các CQHTT khi thực hiện trách nhiệm của mình đã đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội,

quyền con người...trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Tuy nhiên, trước tình hình mới và trước yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp mà Đảng đề ra thì pháp luật TTHS nói chung, các nguyên tắc cơ bản của LTTHS nói riêng trong đó có nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT còn bộc lộ nhiều hạn chế cần khắc phục. Những hạn chế đó thể hiện trên những khía cạnh sau:

3.1.1.1. Những bất cập của BLTTHS năm 2003 về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT

3.1.1.2. Những bất cập của các qui phạm pháp luật khác liên quan đến nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT

3.1.2. Hoạt động của các CQTHTT hình sự hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT

Bên cạnh những thành quả đạt được, thì hoạt động của các CQTHTT còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Hoạt động của các CQTHTT hình sự chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm, còn dễ xảy ra vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án.

- Hoạt động của các CQTHTT hình sự chưa thực sự bảo đảm dân chủ trong quá trình giải quyết vụ án, quyền con người, quyền công dân chưa được tôn trọng và bảo đảm, oan, sai trong TTHS vẫn xảy ra.

- Ở giai đoạn xét xử đối với các trường hợp vi phạm do không thực hiện đúng quy định của BLTTHS ít xảy ra, nếu có thì cũng chủ yếu thuộc trường hợp “có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ”, nhưng ngay kể cả trong trường hợp này thì NTHTT hoặc NTGTT bị yêu cầu thay đổi cũng không nhận thức rằng mình “không vô tư”, chỉ đến khi có bằng chứng thì họ mới chịu.

3.1.3. Yêu cầu triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp

Nghị quyết Đại hội Đảng các khóa VII, IX, X và XI đã đưa ra những định hướng về cải cách bộ máy nhà nước trong đó có các cơ quan tư pháp. Trên cơ sở đó để tiếp tục quá trình cải cách tư pháp, ngày 2/1/2002, Bộ Chính

trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về “*một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*”, trước nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước, yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày 2/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 49-NQ/TW về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”. Nghị quyết nêu rõ các quan điểm chỉ đạo, phương hướng và nhiệm vụ cải cách tư pháp, trong đó có nội dung phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp.

3.2. Phương hướng nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trước yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở thực trạng pháp luật, thực tiễn hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, định hướng của Đảng về cải cách tư pháp khi tiến hành nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và áp dụng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng nói riêng cần theo những định hướng sau:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng phải tuân theo đường lối, các định hướng của Đảng.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tình hình tội phạm và thực trạng đấu tranh, xử lý tội phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng phải đồng bộ và đặt trong bối cảnh đổi mới thể chế, cải cách hành chính, cải cách lập pháp.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng phải đặt trong bối cảnh hội nhập và hợp tác quốc tế.

Thứ năm, mọi giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng phải dựa trên cơ sở kế thừa những tinh hoa của truyền thống dân tộc trong lịch sử mới mang lại thành công.

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT hình sự ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Hoàn thiện pháp luật TTHS về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTT hoặc NTGT

3.3.1.1 Hoàn thiện các qui phạm pháp luật trực tiếp liên quan đến nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng

Thứ nhất, Sửa đổi Điều 14 BLTTHS là “Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng và người giám định, người phiên dịch”.

Thứ hai, cần bổ sung thêm những NHTT sau vào các điều 44, 45, 46, 47 BLTTHS hiện hành: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát; Chánh án, Phó chánh án Tòa án.

Thứ ba, Qui định chặt chẽ vị trí độc lập của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án khi THTT, hạn chế sự tác động của những người đứng đầu các CQTHTT.

Thứ tư, xác định Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án là người đại diện CQTHTT có nghĩa vụ thực thi quyền hạn và tránh nhiệm tố tụng của CQTHTT do mình quản lý khi hoàn thiện BLTTHS.

Thứ năm, bổ sung qui định về việc từ chối hoặc thay đổi người tiến hành một số hoạt động tố tụng ở các các cơ quan Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biên và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân.

Thứ sáu, cần quy định thống nhất và rõ ràng về thẩm quyền thay đổi Thẩm phán là Chánh án Tòa án trong giai đoạn xét xử.

Thứ bảy, BLTTHS năm 2003 cần bổ sung đối tượng bị đề nghị thay đổi là người phiên dịch, người giám định và Điều 43 BLTTHS năm 2003 cần được qui định lại là **“Quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng và người phiên dịch, người giám định”**.

Thứ tám, bổ sung thêm căn cứ một NHTT không thể giữ hai vai trò của NHTT hay giữ vai trò NHTT đó hai lần trong cùng một vụ án.

Thứ chín, bổ sung thêm quy định về mối quan hệ thân thích giữa những NHTT với nhau là căn cứ từ chối hoặc thay đổi NHTT, đặc biệt là tại một phiên tòa xét xử.

Thứ mười, cần có những quy định rõ ràng hơn về tiêu chuẩn, điều kiện của người phiên dịch.

Thứ mười một, bổ sung quy định người giám định, người phiên dịch phải từ chối hoặc bị thay đổi khi họ là người thân thích của NTHTT.

Thứ mười hai, quy định bổ sung căn cứ từ chối hoặc thay đổi NTHTT khi có quan hệ thân thích với người bào chữa đặc biệt là trong giai đoạn truy tố và xét xử vụ án hình sự.

3.3.1.2. Hoàn thiện các pháp luật khác có liên quan đến nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng

a. Hoàn thiện pháp luật về CQTHTT hình sự hướng đến việc bảo đảm nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự

b. Lựa chọn mô hình TTHS điều kiện của Việt Nam

c. Hoàn thiện qui định về nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS phù hợp và thể hiện được chính sách hình sự, quan điểm, đường lối Đảng và Nhà nước đối với việc giải quyết vụ án hình sự.

d. Xây dựng và ban hành văn bản pháp luật về người phiên dịch, bảo đảm để họ sẽ vô tư khi tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

3.3.2. Các giải pháp khác nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NTHTT hoặc NTGTT ở Việt Nam hiện nay

a. Nâng cao năng lực, trách nhiệm cho NTHTT và NTGTT

Sự không vô tư của NTHTT và NTGTT phụ thuộc vào trình độ và trách nhiệm của họ khi giải quyết vụ án phải được giải quyết bằng những biện pháp mang tính lâu dài.

b. Cần nhanh chóng bổ sung đủ số lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán đáp ứng đòi hỏi yêu cầu thực tế của công tác giải quyết các vụ án hình sự trong giai đoạn hiện nay.

c. Cần có chế độ đãi ngộ, thưởng, phạt hợp lý đối với cán bộ tư pháp.

d. Nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân, nâng cao vai trò của người bào chữa trong TTHS.

KẾT LUẬN

Cải cách tư pháp ở Việt Nam hướng tới xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, giải quyết vụ án khách quan, công bằng góp phần bảo vệ quyền con người, đấu tranh phòng ngừa tội phạm có hiệu quả. Trong quá trình cải cách đó, việc hoàn thiện pháp luật TTHS và xây dựng cơ chế thực thi pháp luật có hiệu quả là đòi hỏi tất yếu và phải dựa trên những cơ sở khoa học, thực tiễn, tiếp thu kinh nghiệm của thế giới và lịch sử Việt Nam. Vì vậy, đề tài ***“Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn”*** có mục đích làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nguyên tắc này và trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện pháp luật, giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành nguyên tắc bảo đảm sự vô tư trong TTHS.

1. Luận án đã xây dựng khái niệm vô tư và nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT và NTGTT cũng như vai trò của sự vô tư đối với việc giải quyết vụ án một cách khách quan, công bằng, không làm oan người vô tội và không để lọt tội phạm. Các học giả trên thế giới đã đưa ra những quan niệm khác nhau về hai khái niệm này, nhưng dù có khác nhau các quan điểm này đã thống nhất khi đưa ra những nội hàm cốt lõi của hai khái niệm nêu trên. Theo đó, vô tư trong lĩnh vực tư pháp được hiểu là *trạng thái của người có trách nhiệm giải quyết vụ án khi xem xét, đánh giá, giải quyết tranh chấp không thiên vị, khách quan, bảo đảm sự công bằng, công lý giữa các bên liên quan trong vụ án*. Do tầm quan trọng của sự vô tư nên LTTHS các quốc gia cũng như trong các thiết chế tư pháp quốc tế đều qui định nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT và NTGTT hình sự. Luận án đã phân tích, đánh giá các qui định về nguyên tắc này và đi đến khẳng định bản chất của nguyên tắc bảo đảm sự vô tư trong TTHS là tạo ra cơ chế bảo đảm cho sự vô tư được tôn trọng và thực thi trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Cơ chế này gồm ba bộ phận: a) Hệ thống các qui phạm pháp luật về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NHTTT và NTGTT; b) Các biện pháp tôn trọng và thực thi nguyên tắc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; c) Cơ chế kiểm soát việc thực thi nguyên tắc. Do đó định nghĩa về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những NHTTT và NTGTT được luận án phát biểu như sau: ***“Nguyên tắc bảo đảm sự***

vô tư của những NTHTT và NTGTT là những tư tưởng mang tính xuất phát điểm, có tính chủ đạo định hướng cho toàn bộ hoạt động xây dựng, thực thi, kiểm soát pháp luật tổ tụng hình sự hướng tới mục đích giải quyết vụ án khách quan, công bằng, dân chủ bảo đảm công bằng, công lý trong giải quyết vụ án hình sự.”

2. Luận án nghiên cứu nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT hoặc NTGTT qua các thời kỳ lịch sử phát triển của Việt Nam. Từ đó thấy được từ thời kỳ phong kiến mặc dù không được ghi nhận thành một nguyên tắc riêng biệt nhưng nội dung của nguyên tắc này đã được thể hiện trong các quy định của LTTHS.

3. Nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT hoặc NTGTT là những quy định pháp luật cơ bản, mang tư tưởng, định hướng chỉ đạo được ghi nhận trong BLTTHS năm 2003. Để thực hiện nguyên tắc này căn cứ từ chối hoặc thay đổi NTNTT, NTGTT cũng như chủ thể yêu cầu, đề nghị thay đổi và thẩm quyền, thủ tục thay đổi đã được quy định trong LTTHS. Qua việc nghiên cứu các quy định pháp luật TTHS và thực tiễn thực hiện nguyên tắc này, luận án cho rằng các nhà lập pháp đã chú trọng đến việc quy định cơ chế thực hiện nguyên tắc này và được các nhà áp dụng pháp luật thực hiện thành công để từ đó giảm án oan, sai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

4. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại những bất cập trong quy định của pháp luật cũng như thực tiễn thực hiện nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của NTHTT hoặc NTGTT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay. Điều này do nhiều nguyên nhân khác nhau như: bất cập của pháp luật về nguyên tắc này, bất cập trong tổ chức và hoạt động của CQTHTT, NTHTT; nguyên nhân về con người và cơ sở vật chất.

5. Dựa trên cơ sở một số vụ án hình sự cụ thể, tổng kết thực tiễn hoạt động giải quyết vụ án hình sự trong 10 năm (2003 – 2012) và kết quả điều tra xã hội học, luận án đã đưa ra những phương hướng hoàn thiện và từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể: 1) Phải có quy định pháp luật hoàn chỉnh và được nghiêm chỉnh tuân theo trong quá trình TTHS; 2) Phải có đội ngũ NTHTT và NTGTT có trình độ chuyên môn cao phù hợp với thực tiễn công tác, có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; 3) Nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân và vai trò của người bào chữa trong hoạt động TTHS; 4) Phải có cơ sở vật

chất, trang thiết bị hiện đại đầy đủ; 5) Phải có sự đãi ngộ đúng mức đối với NTHTT và NTGTT./.

NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trần Thu Hạnh (2013), Nghiên cứu khái quát về nguyên tắc bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng trong tố tụng hình sự, *Tạp chí Khoa học, Chuyên san Luật học* (29).
2. Trần Thu Hạnh (2011), Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Cơ quan điều tra trước yêu cầu cải cách tư pháp, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số Chuyên đề Các cơ quan tư pháp trong Nhà nước pháp quyền.
3. Trần Thu Hạnh (2009), Một số giải pháp nâng cao vị thế của đội ngũ thẩm phán trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, *Tạp chí Khoa học, Chuyên san Kinh tế - Luật* (2).
4. Trần Thu Hạnh (2012), Giáo trình Luật hình sự quốc tế (Nguyễn Ngọc Chí chủ biên), “Các qui định của luật tố tụng hình sự Việt Nam trong lĩnh vực luật hình sự quốc tế”, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, tr. 387-418.